

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH  
TRƯỜNG TH HÒA TÂN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /KH-THHT2

Châu Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2023

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC** **Năm học 2023 - 2024**

### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Hướng dẫn số 2345/BGDĐT-GDTH, ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND-HC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Hướng dẫn số 97/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn Thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Căn cứ Hướng dẫn số 94/HD-SGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học tỉnh Đồng Tháp năm học 2023 – 2024

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-PGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành Hướng dẫn Thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2023 – 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-PGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học huyện Châu Thành năm học 2023 - 2024;

Căn cứ thực hiện nhiệm vụ năm học và tình hình thực tiễn của đơn vị, trường Tiểu học Hòa Tân 2 xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

### **II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023 - 2024**

#### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

##### **1.1 Thuận lợi**

- Được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện, Phòng GDĐT huyện Châu Thành; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Hòa Tân.

- Trường Tiểu học Hòa Tân 2 đóng trên địa bàn ấp Hòa Hiệp xã Hòa Tân, kinh tế phát triển mức trung bình khá do người dân chủ yếu làm nghề nông. Trình độ dân trí mức khá, được sự quan tâm, chăm lo của toàn xã hội nên việc huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục cũng thuận lợi tương đối cho nhà trường.

- Đơn vị có sự đồng hành, của các ban ngành, đoàn thể địa phương, ban nhân dân các ấp, đặc biệt là việc phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp và luôn có sự quan tâm chăm lo của toàn thể cha mẹ học sinh, quý mạnh thường quân, các nhà hảo tâm đóng góp tài trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường, tặng quà, học bổng... cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

### **1.2. Khó khăn**

- Địa bàn các tuyến thuộc khu vực tuyển sinh và huy động học sinh ra lớp được phân bổ cho đơn vị rất rộng gồm 4 ấp Hòa An, Hòa Hiệp, Hòa Trung, Hòa Quới, tiếp giáp với nhiều địa phương: trong huyện (xã An Khánh), ngoài tỉnh (xã Nguyễn Văn Thành, xã Tân Thành, xã Thành Trung tỉnh Vĩnh Long). Ngoài ra, trên địa bàn cũng có nhiều gia đình học sinh định cư ở địa phương không ổn định nên có nhiều học sinh chuyển đi, chuyển đến ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì sĩ số học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Địa bàn xã nơi các em sinh sống có nhà bia lưu niệm điểm Xẻo Mát, chùa Lá Sen, không có danh lam thắng cảnh nổi tiếng, không có nghệ thuật truyền thống nổi bật... nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh gặp không ít khó khăn.

- Học sinh thường sống ở nhà với ông bà do cha mẹ li hôn hoặc đi làm ăn xa nên nguy cơ học sinh tham gia những trò chơi không lành mạnh, học sinh dễ vi phạm nội quy của trường, của lớp.

## **2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 – 2024**

### **2.1 Đặc điểm học sinh của trường**

#### **a) Số liệu**

#### **➤ Về năm học trước (Năm học 2022 - 2023)**

\* *Qui mô học sinh, chất lượng giáo dục*

Khối lớp	Số lớp	Học sinh		Tỉ lệ HS/ lớp	Số HS khuyết tật
		Tổng số	Nữ		
Một	3	98	54	32,7	0
Hai	3	84	47	28	0
Ba	4	100	46	25	0
Bốn	3	88	49	29,3	0
Năm	4	108	56	27	0
<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>478</b>	<b>255</b>	<b>28,1</b>	<b>0</b>

- Tổng số học sinh toàn trường 478 em.

- Hoàn thành chương trình lớp học 460/478 em, đạt tỉ lệ 96,2%

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 108/108 em, đạt tỉ lệ 100%

- Hiệu quả đào tạo sau 5 năm: 108/126 đạt tỉ lệ 85,7%.
- Học sinh bỏ học: 0
- Tổng số lớp: 17 lớp (100% lớp 2 buổi/ngày).
- Số học sinh bán trú: 42 em (cuối năm còn 27 em).
- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 16 (nghèo 01; cận nghèo 15).

➤ **Về năm học mới (Năm học 2023 - 2024)**

\* *Qui mô lớp và học sinh*

Khối lớp	Số lớp	Học sinh		Tỉ lệ HS/lớp	Số HS khuyết tật	Hộ nghèo, cận nghèo; GD chính sách	HS học 2 buổi/ngày	HS bán trú
		Tổng số	Nữ					
Một	3	93	45	31	0	1/0	93	15
Hai	3	88	49	29,3	0	2/1	88	13
Ba	3	81	47	27	0	2/1	81	7
Bốn	4	100	48	25	0	2/1	100	10
Năm	3	83	47	27,7	0	3/0	83	4
<b>Cộng</b>	<b>16</b>	<b>445</b>	<b>236</b>	<b>27,8</b>	<b>0</b>	<b>10/3</b>	<b>445</b>	<b>49</b>

- Tổng số học sinh toàn trường 445 em.
- Tổng số lớp: 16 lớp (Trong đó 16/16 lớp 2 buổi/ngày).
- Số học sinh bán trú: 49 em
- Số học sinh học 1 buổi/ ngày: 0 em
- Số học sinh có hoàn cảnh nghèo 01 em, cận nghèo: 9/3 em.
- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 10 em.

- Tỉ lệ đúng độ tuổi trong nhà trường là:

+ Tỉ lệ đúng độ tuổi khối 1 là: 84/93 tỉ lệ: 90,3 %

+ Tỉ lệ đúng độ tuổi khối 2 là: 76/88 tỉ lệ: 86,4%

+ Tỉ lệ đúng độ tuổi khối 3 là: 73/81 tỉ lệ: 90,1 %

+ Tỉ lệ đúng độ tuổi khối 4 là: 92/100 tỉ lệ: 92 %

+ Tỉ lệ đúng độ tuổi khối 5 là: 73/83 tỉ lệ: 88 %

\* **Tỉ lệ đúng độ tuổi toàn trường là: 398/445, tỉ lệ 89,4%.**

*b) Nhận xét*

Tổng số học sinh toàn trường là 445 em, trong đó có 236 học sinh nữ chiếm tỉ lệ 53 %, so với năm học trước số học sinh giảm 33 em. Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi chiếm 398/445 em chiếm tỉ lệ 89,4%. Học sinh học 2 buổi/ngày 100%. Mở lớp bán trú với 49 học sinh.

Năm học 2022 – 2023: Tổng số học sinh xét hoàn thành chương trình lớp học và sau khi kiểm tra lại là 468/478 em, đạt tỉ lệ 97,9%; tổng số học sinh xét Hoàn thành chương trình tiểu học là 108/108, tỉ lệ 100%. Trường còn 10 học sinh

chưa hoàn thành chương trình lớp học do còn hạn chế trong học tập phải ở lại học tiếp tục ở lớp 1 (8 học sinh), lớp 2 (1 học sinh), lớp 3 (1 học sinh) và lớp 4 (2 học sinh) năm học 2023 - 2024.

## 2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

### a) Số liệu

\* Năm học 2022 – 2023:

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 28.

TT	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo							
				Thạc sỹ		Đại học		Cao đẳng		Dưới CĐ	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	CBQL	2	0			2	100	0	0	0	0
2	GV tiểu học	17	7	0	0	15	88,2	2	11,8	0	0
3	GV dạy chuyên	4	1	0	0	3	75	1	25	0	0
4	GV TPT Đội	1	1	0	0	1	100	0	0	0	0
5	Nhân viên	4	2	0	0	1	25	2	50	1	25
<b>Cộng</b>		<b>28</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>78,6</b>	<b>5</b>	<b>17,9</b>	<b>1</b>	<b>3,5</b>

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 21/17 (1,2 GV/lớp).

\* Năm học 2023 – 2024:

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 20.

TT	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo							
				Thạc sỹ		Đại học		Cao đẳng		Dưới CĐ	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	CBQL	2	0			2	100	0	0	0	0
2	GV tiểu học	17	7	0	0	17	100	0	0	0	0
3	GV dạy chuyên	5	2	0	0	4	80	1	20	0	0
4	GV TPT Đội	1	1	0	0	1	100	0	0	0	0
5	Nhân viên	4	2	0	0	1	25	2	50	1	25
<b>Cộng</b>		<b>29</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25</b>	<b>86,2</b>	<b>3</b>	<b>10,3</b>	<b>1</b>	<b>3,5</b>

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 22/16 (1,3 GV/lớp).

### b) Nhận xét

Tổng số cán bộ quản lý của trường gồm 2 đồng chí đều có trình độ Đại học, đã qua Bồi dưỡng cán bộ quản lý và 2 đồng chí đã có bằng Trung cấp chính trị. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có kinh nghiệm làm quản lý trường học, có năng lực tốt, linh hoạt, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tổng số giáo viên của trường là 23 giáo viên, có 22/23 giáo viên (chiếm tỉ lệ 95,7%) đạt trình độ Đại học, còn 1 giáo viên có trình độ cao đẳng (tỉ lệ 4,3%); giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Huyện có 11/23 (chiếm tỉ lệ 47,8%). Cấp Tỉnh 1/23 (chiếm tỉ lệ 4,3%). Trường có các giáo viên chuyên được đào tạo chính quy để giảng dạy các môn Mỹ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học một cách chủ động và hiệu quả. Tuy nhiên, hiện tại trường vẫn còn thiếu giáo viên chuyên dạy môn Tin học và Âm nhạc nên phải thỉnh giảng. Độ tuổi bình quân của đội ngũ giáo viên cũng còn khá trẻ (44 tuổi), đa số đều năng nổ, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường đủ về số lượng (1 Kế toán-Văn thư, 1 Y tế học đường kiêm thủ quỹ, 1 Thư viện-Thiết bị, 1 Bảo vệ). Đa số nhân viên đều đảm bảo về trình độ đào tạo, tích cực trong công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

### **2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

#### **a) Số liệu**

##### **- Cơ sở vật chất**

TT	Điểm trường	Số phòng		Số lớp		Số HS	Số lớp 2 buổi/ngày (số HS)	Số lớp 1 buổi/ngày (số HS)	Số lớp bán trú
		P. học	P. chức năng	Lớp đơn	Lớp ghép				
1	Điểm chính Lung Mây	10	11	10	0	292	10 (292)	0	1
2	Điểm phụ Xẻo Mát	6	0	6	0	153	6 (153)	0	0
<b>Cộng</b>		<b>16</b>	<b>11</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>445</b>	<b>16 (445)</b>	<b>0</b>	<b>1</b>

##### **- Thiết bị dạy học**

TT	Thiết bị dạy học (môn/khối lớp)	SL hiện có	Đủ	Thiếu	Ghi chú
1	Khối lớp 1	3	X		
2	Khối lớp 2	3	X		
3	Khối lớp 3	3	X		
4	Khối lớp 4	4	X		
5	Khối lớp 5	3	X		
6	Ti vi	7	X		

7	Ti vi màn hình lớn	0		X	P dạy tiếng Anh
8	Phòng máy tính dạy Tin học	16 bộ	X		

- Tổng số phòng học: 16 phòng, đảm bảo cho việc dạy và học.
- Phòng chức năng: 5 phòng (HT, P HT, Văn phòng, y tế, thiết bị, thư viện)
- Trang thiết bị: đủ mỗi lớp 1 bộ.
- Cơ sở vật chất sân chơi, bãi tập đủ cho học sinh học tập theo quy định.
- Hiện tại trường vẫn còn thiếu phòng học và một số phòng chức năng khác theo qui định của trường chuẩn quốc gia.

*b) Nhận xét*

Đơn vị đóng trên địa bàn ấp Hòa Hiệp xã Hòa Tân. Nhà trường có 16 phòng học đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày.

Đơn vị có 1 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị. Số phòng chức năng của đơn vị chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học, hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. Tuy nhiên trường chưa có phòng giảng dạy Âm nhạc, Tiếng Anh, chưa có bãi tập, nhà đa năng...

Số thiết bị của nhà trường cơ bản đủ cho mỗi lớp có 1 bộ thiết bị dùng chung, tuy nhiên các bộ đồ dùng, thiết bị dạy học ở các khối lớp 3, 4, 5 qua nhiều năm sử dụng cũng bị hư hỏng, hao mòn cần phải sửa chữa, bổ sung thêm. Tất cả giáo viên đều khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học sẵn có và quan tâm tự làm các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Trường trang bị 02 laptop, 07 tivi và 01 máy chiếu để giáo viên khai thác tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

*2.4. Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng tại đơn vị*

***2.4.1. Sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT, như sau:***

\* Các SGK lớp 1, 2, 3, 4 theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Tỉnh Quyết định Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Bộ sách Chân trời sáng tạo. Cụ thể:

## DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1

(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.	
	Tiếng Việt Tập hai	Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Lương Hải Như, Nguyễn Thị Xuân Yên.	

2	Toán	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đinh Phương Duy ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Trần Thanh Bình ( <i>Chủ biên</i> ), Trần Minh Hoàng, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.	
4	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phụng.	
5	Giáo dục thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Trần Minh Tuấn.	
6	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng.	
7	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Tiên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Hoàng Minh Phúc ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yên Như.	
8	Hoạt động trải nghiệm	Vũ Quang Tuyên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí.	
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Phan Hà ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	

## DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy  
ban nhân dân Tỉnh)

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên.	
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	
	Toán Tập hai		
3	Đạo đức	Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lâm Thúy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.	
4	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	
5	Giáo dục thể chất	Phạm Thị Lê Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	
6	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Lương Diệu Anh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	
7	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	
8	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yên Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Phan Hà ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam



## DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3

(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	
	Toán Tập hai		
3	Đạo đức	Huỳnh Văn Sơn ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ.	
4	Tự nhiên và Xã hội	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng, Trần Thanh Sơn.	
5	Giáo dục thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	
6	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	
7	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	
8	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	
9	Tin học	Quách Tất Kiên ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Phạm Thị Quỳnh Anh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung.	
10	Công nghệ	Bùi Văn Hồng ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	
11	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Phan Hà ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

## DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

(Kèm theo Quyết định số: 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm  
2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

STT	MÔN	NHÓM TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN
1	Tiếng Việt Tập một	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Việt Tập hai	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	
2	Toán Tập một	Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	
	Toán Tập hai		
3	Đạo đức	Huỳnh Văn Sơn ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ.	
4	Khoa học	Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng, Trần Thanh Sơn.	
5	Lịch sử và Địa lí	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung ( <i>đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Chí Tuấn.	
6	Giáo dục thể chất	Phạm Thị Lệ Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	
7	Âm nhạc	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	
8	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	
9	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	
10	Tin học	Quách Tất Kiên ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Phạm Thị Quỳnh Anh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung.	
11	Công nghệ	Bùi Văn Hồng ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Phan Hà ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

\* Lớp 5: Tiếng Việt 5-Tập 1, Tiếng Việt 5-Tập 2, Toán 5, Đạo đức 5, Khoa học 5, Lịch sử và Địa lí 5, Âm nhạc 5, Mĩ Thuật 5, Kỹ thuật 5.

## **2. Các loại sách khác**

Trên cơ sở các văn bản quy định, nhà trường bàn bạc và chọn những loại sách phù hợp với học sinh và điều kiện của địa phương.

- Bộ sách Luyện tập Tin học lớp 5 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Sách tiếng Anh đối với các khối lớp 1, 2, 3, theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Tỉnh Quyết định Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; tiếng Anh 5 sử dụng các bộ sách giáo khoa được Bộ GD&ĐT cho phép sử dụng; lưu ý tính liên thông từ lớp 1 đến lớp 5; duy trì việc thực hiện giảng dạy tiếng Anh chương trình 10 năm từ lớp 3, phấn đấu tất cả học sinh được học tiếng Anh. Thời lượng 2 tiết/tuần đối với lớp 1, 2, 5 và 4 tiết/tuần đối với học sinh lớp 3 và lớp 4.

- Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện theo qui định của Bộ GD&ĐT, cụ thể: đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 lựa chọn sách giáo khoa theo danh mục sách giáo khoa đã được UBND Tỉnh ban hành theo Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 của UBND Tỉnh Quyết định Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đối lớp 5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4329/BGD&ĐT-GDTH ngày 27 tháng 6 năm 2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng sách giáo khoa, tài liệu dạy tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GD&ĐT.

## **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Mục tiêu chung**

Năm học 2023 – 2024 tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4; Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 5 và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình. Thực hiện chủ đề năm học 2023-2024 “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” với mục tiêu:

**1.1.** Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

**1.2.** Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3,

lớp 4 và CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 (CTGDPT 2006) đối với lớp 5.

**1.3.** Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT cấp tiểu học.

**1.4.** Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

**1.5.** Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học (quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong CSGD mầm non và CSGD phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học); khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**1.6.** Triển khai thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh thực hiện các nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trong lĩnh vực GDĐT; Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2025; tổ chức thực hiện nội dung Giáo dục địa phương; chủ động triển khai nội dung giáo dục STEM/STEAM; chuyển đổi số trong nhà trường và tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học**

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho HS, GV, CBQL, nhân viên; chủ động các phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh để phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

### **2.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

***a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học***

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Sở GDĐT (Công văn số 1023/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Sở GDĐT về thực hiện Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng kế

hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.); lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học tại địa phương cụ thể, bảo đảm thực hiện CTGDPT cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thời gian năm học của địa phương và các chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn; bố trí thời gian thực hiện CT đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HS; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng HS, đảm bảo cuối năm học, HS đạt được trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng HS, đảm bảo cuối năm học, HS đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của CT; trong điều kiện cho phép tạo môi trường cho HS được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong CT các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

***b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4***

Thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo các văn bản (Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 648/SGDĐT-GDTH ngày 09/6/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn kể từ năm học 2020 – 2021) hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ, Sở GDĐT ban hành, cụ thể:

- Đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp, CSVC, sĩ số HS/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định ( Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.); đảm bảo tỉ lệ 1,5 GV/lớp và cơ cấu GV để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc ( Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Công Nghệ, Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm.), các môn học tự chọn ( Ngoại ngữ 1) theo quy định của CTGDPT 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

***c) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 5***

Trên cơ sở CTGDPT 2006 đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS để chủ động tiếp cận với CTGDPT 2018 (Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS từ năm học 2017 - 2018.), cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lí nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng HS của địa phương, đồng thời, từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của HS trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với HS tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho HS; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của HS.

- Tích cực, chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm đầu tư về CSVC để đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp, sĩ số HS /lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu, đảm bảo tỉ lệ GV/lớp và cơ cấu GV để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho HS.

- Tổ chức dạy học lớp 5 để HS được chuẩn bị học lớp 6 theo CTGDPT 2018 đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất HS đối với lớp 5 (Công văn số 3799/BGDĐT-GDTrH ngày 01/9/2021 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018), trong đó tập trung xây dựng kế hoạch phù hợp, bồi dưỡng cho GV tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS và không kiểm tra định kì vào nội dung kiến thức bổ sung chuẩn bị cho HS học lớp 6 theo CTGDPT 2018.

#### ***d) Tổ chức thực hiện dạy và học 2 buổi/ngày, bán trú***

Tiếp tục thực hiện dạy học 2 buổi/ngày và bán trú theo hướng dẫn của Sở GDĐT (Hướng dẫn số 82/HD-SGDĐT của Sở GDĐT ngày 17/10/2019 về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú cấp tiểu học kể từ năm học 2019 - 2020.) trong đó:

- Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 09 buổi/tuần với 32 tiết/tuần.

- Đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của CT; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 02 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học.

- Về tổ chức bán trú: Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của HS, cha mẹ học sinh (CMHS) và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện HS về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỉ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho HS theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, HS trong các CSGD mầm non và tiểu học.)

- Về tổ chức các hoạt động cho HS sau giờ học chính thức (Thực hiện theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT về quy định hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động sau giờ học chính khóa và Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 về hướng dẫn chuẩn bị dạy lớp 1 năm học 2020 - 2021.) trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của HS trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được CMHS đón về nhà; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày bảo đảm an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra.

Chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm đầu tư để đảm bảo các điều kiện thực hiện nói trên, xây dựng kế hoạch, tăng cường các nguồn lực đầu tư CSVC, phát triển đội ngũ GV, đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo các điều kiện chuẩn bị cho việc triển khai CT, SGK mới thực hiện dạy học 02 buổi/ngày; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giảm thiểu tối đa tỉ lệ HS bỏ học, khắc phục triệt để tình trạng HS *“chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt mà lên lớp”*.

***d) Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp***

Triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục (GDĐP, giáo dục ATGT, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho HS tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT), giáo dục về quyền con người,...; Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ GDĐT về quy định công tác tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ

khởi nghiệp trong các CSGD.) ở nhà trường linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng HS, địa phương và nhà trường. Chủ động thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), dạy học trực tuyến cho phù hợp điều kiện thực tế để hỗ trợ quá trình giáo dục và đảm bảo thực hiện đúng, có chất lượng, hiệu quả, nội dung dạy học theo quy định; phù hợp với kỹ năng của GV, khả năng lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của HS; khi thực hiện phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về CSVC, hạ tầng CNTT, hệ thống phần mềm, học liệu dạy học trực tuyến và hướng dẫn sử dụng cho GV và HS theo quy định.

Nghiên cứu, nhân rộng mô hình thư viện thân thiện trường tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Không áp đặt máy móc, vận dụng triển khai một cách linh hoạt và hiệu quả theo các văn bản (Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 của Bộ GDĐT nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho HS tiểu học; Công văn số 1136/BGDĐT-GDTH ngày 17/8/2021 của Bộ GDĐT về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2021 - 2022.) hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT nhằm tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

***e) Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018***

Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung GDĐP theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. (Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019, trong đó, thực hiện tích hợp nội dung GDĐP vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của CTGDPT 2018.). Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung GDĐP cấp tiểu học) với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào CT các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện.

***g)*** Thực hiện nghiêm túc các quy định chỉ đạo của Bộ GDĐT về chấn chỉnh tình trạng dạy học trước CT lớp 1; tình trạng dạy thêm, học thêm đối với giáo dục tiểu học; khắc phục tình trạng chạy trường, chạy lớp. Tinh giản các cuộc thi dành cho GV và HS. (Chỉ thị số 2325/CT-BGDĐT ngày 28/6/2013 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng dạy học trước CT lớp 1; Chỉ thị số 5105/CT-BGDĐT ngày 03/11/2014 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm đối với giáo dục tiểu học; Công văn số 2449/BGDĐT-GDTH ngày 27/5/2016 của Bộ GDĐT về việc khắc phục tình trạng chạy trường, chạy lớp. Tinh giản các cuộc



thi dành cho GV và HS theo Công văn số 1915/BGDĐT-GDTrH ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Bộ GDĐT.).

### **2.3. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

Từng bước hoàn thiện cơ chế quản trị giáo dục để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; chuyển từ “*quản lý*” sang “*quản trị*” để cải tiến, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong quản lý gắn với thực tiễn. Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định việc quản lý trong CSGD mầm non và CSGD phổ thông công lập và Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học đảm bảo sự tham gia của nhiều đối tượng như CBQL, GV, NV, HS, CMHS, cộng đồng xã hội,... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phù hợp với loại hình nhà trường và quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; được tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong nhà trường; Chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu sai quy định; thực hiện Quy chế công khai đối với CSGD theo quy định hướng dẫn của Bộ GDĐT. (Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT; Công văn số 5453/BGDĐT-VP ngày 02/10/2014 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các CSGD; Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ GDĐT ban hành quy định về việc tài trợ cho các CSGD.)

Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; chỉ đạo điều hành và triển khai Chính phủ điện tử theo hướng đồng bộ, kết nối liên thông; hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước về giáo dục tiểu học.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lý thông tin kịp thời, thông suốt giữa các cấp quản lý; ứng dụng CNTT trong quản lý, đánh giá HS; sử dụng sổ điểm điện tử; sử dụng các hệ thống thông tin quản lý, thống kê, báo cáo theo quy định của Bộ GDĐT.

### **2.4. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá học sinh tiểu học**

***a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học***

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung GDĐP, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hằng ngày.

Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới (Theo Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016 - 2017 và Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 của Bộ GDĐT về việc rà soát, đảm bảo các điều kiện thực hiện mô hình trường học mới.); triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột (Theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác, trong đó các nhà trường chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.); thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới (Theo hướng dẫn tại Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ GDĐT về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở tiểu học, trung học cơ sở.); vận dụng phương pháp sơ đồ tư duy vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học (Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.); dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường (GDĐP, giáo dục ATGT, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho HS tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại địa chỉ matsanghochay.moet.gov.vn), giáo dục về quyền con người,...); chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của GV (Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp Tiểu học.)

***b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh tiểu học***

Đối với HS lớp 5 thực hiện theo CTGDPT 2006, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT về quy định đánh giá HS tiểu học (Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT về quy định đánh giá HS tiểu học (Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

Đối với HS lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 thực hiện theo CTGDPT 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT.

Nguyên tắc đánh giá HS: Đánh giá HS thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu cần đạt của CT; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và CMHS.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của HS để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho GV quan tâm đến HS và đổi mới phương pháp dạy học.

***Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HS chưa hoàn thành; bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để HS “chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt mà lên lớp”***; thực hiện khen thưởng HS thực chất, đúng quy định; tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho CMHS và dư luận xã hội (Công văn số 676/SGDDĐT-GDTH ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh việc tổ chức kiểm tra định kỳ và khen thưởng HS cuối năm học.).

Tổ chức hướng dẫn GV về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo CTGDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT từ năm học 2023 - 2024.

Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo CTGDPT môn Tin học và CTGDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này (Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về việc đính chính phụ lục 1, phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.).

### ***c) Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”***

Trong quá trình quản lý, chỉ đạo, điều hành, dạy học; CBQL, GV cần quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của HS, không áp đặt rập khuôn, tuyệt đối không dạy HS theo khuôn mẫu, máy móc dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Quan tâm nghiên cứu tìm nguyên nhân của việc dạy văn mẫu và có giải pháp để khắc phục triệt để việc này.

## **2.5. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

Thực hiện CT giáo dục tiểu học thực hiện dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học cho 100% HS lớp 3, lớp 4 năm học 2023 - 2024; chủ động tổ chức dạy học phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt tập trung các điều kiện đảm bảo dạy học các môn học này theo kế hoạch và các văn bản liên quan (Kế hoạch số 45/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 471/SGDĐT-GDMNTH ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn kiểm tra định kì môn Tiếng Anh lớp 1, lớp 2 kể từ năm học 2021 - 2022.).

### ***a) Dạy học môn Tiếng Anh***

Triển khai CT môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018 (Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 của Sở GDĐT; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 26/02/2019 của UBND Tỉnh về việc thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2019 - 2025.). Khi triển khai thực hiện cần chú ý đến các yếu tố: sự tự nguyện tham gia học của HS, chất lượng đạt chuẩn của đội ngũ tham gia giảng dạy; thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định; đảm bảo tính chất làm quen của CT; tạo hứng thú, sự yêu thích môn học và không gây quá tải cho HS;...

Đối với lớp 3 và lớp 4: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc; đảm bảo tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong CT các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT (Môn Tiếng Anh thực hiện theo CTGDPT môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về CTGDPT và Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo CTGDPT 2018 cấp tiểu học).

Tiếp tục triển khai CT Tiếng Anh tự chọn theo CTGDPT 2006 và CT thí điểm tiếng Anh cấp tiểu học (Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành CT thí điểm tiếng Anh tiểu học.) đối với HS lớp 5; tăng cường tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho HS lớp 5, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận CT môn Tiếng Anh theo CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo tâm thế sẵn sàng cho HS học lên lớp 6 theo CT mới. Đối với các trường chưa đảm bảo điều kiện dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần, có thể linh hoạt lựa chọn các nội dung của CT phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của địa phương. Khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận CT môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1 và lớp 2 trong CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp theo hướng dẫn của Sở GDĐT (Công văn số 296/SGDĐT-GDTH ngày 18/3/2020 về việc hướng dẫn thực hiện giảng dạy môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo CTGDPT 2018).

SGK và tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT, cụ thể: đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 lựa chọn SGK theo danh mục CTGDPT đã được UBND Tỉnh ban hành tại Quyết định số 368/QĐ-UBND-HC ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành danh mục SGK lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 sử dụng tại các CSGD phổ thông trong năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đối với lớp 5 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27 tháng 6 năm 2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kì cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

Học tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học, truyện đọc tiếng Anh và các hoạt động trải nghiệm; tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào GV các môn học khác cùng tham gia cùng học tiếng Anh với HS theo hướng dẫn của Sở GDĐT (Công văn số 896/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 30 /7/2018, Công văn số 989/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 19/8/2020; theo Công văn số 1450/SGDĐT-GDTrH-TXC&CN ngày 28/10/2019 của Sở GDĐT.).

### ***b) Dạy học môn Tin học***

Tiếp tục thực hiện tổ chức dạy học môn Tin học, tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học theo hướng dẫn (Theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019 - 2020.) của Bộ GDĐT và CTGDPT. Học sinh lớp 5 được học môn Tin học tự chọn theo CTGDPT 2006, khi thực hiện cần có những giải pháp tiếp cận CT môn Tin học trong CTGDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi, tâm thế sẵn sàng cho HS lên lớp 6 học môn Tin học theo CTGDPT 2018. Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục môn học và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV Tin học; tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho HS đồng thời tạo cơ hội cho HS lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục tin học.

Tham mưu với cơ quan có thẩm quyền xây dựng kế hoạch chuẩn bị đầy đủ điều kiện CSVC, thiết bị dạy học, từng bước được chuẩn hóa để tổ chức dạy học môn Tin học và Công nghệ, Tiếng Anh theo CTGDPT 2018 là môn học bắt buộc lớp 3, lớp 4, trong đó thực hiện các giải pháp phù hợp đảm bảo HS ở tất cả các điểm trường đều được học môn Tin học và Công nghệ.

## **2.6. Giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

### ***a) Đối với trẻ khuyết tật***

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ đạo, xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010, (Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CT trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ GDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật.) các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật, HS khuyết tật và chế độ chính sách (Thực hiện Công văn số 143/SGDĐT-GDTH ngày 01/02/2018 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục hòa nhập HS khuyết tật kể từ năm học 2017 - 2018; Kế hoạch số 74/KH-SGDĐT ngày 21/6/2021 về thực hiện CT trợ giúp người khuyết tật trong các CSGD mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030; Công văn số 277/UBND-KTTH ngày 25/5/2018 của UBND Tỉnh về việc thực hiện chế độ cho GV trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập) và các văn bản có liên quan (Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ trưởng Bộ GDĐT, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật).

Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ CBQL, GV về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó HS học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà HS được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp HS khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống. Tham mưu với các cấp có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các chính sách đối với GV trực tiếp giảng dạy HS khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập và đối với các CSGD có HS khuyết tật học hòa nhập.

Phối hợp với cơ sở Y tế tổ chức khám sàng lọc và xác định dạng tật cho HS khuyết tật học hòa nhập để có biện pháp giáo dục hợp lí.

### ***b) Đối với trẻ em lang thang cơ nhỡ***

Tổ chức dạy học linh hoạt cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ theo kế hoạch dạy học và thời khoá biểu được điều chỉnh phù hợp với đối tượng HS và điều kiện của đơn vị. Nội dung học tập cần tập trung vào các môn Tiếng Việt, Toán nhằm rèn kĩ năng đọc, viết và tính toán cho HS. Đánh giá, xếp loại HS có hoàn cảnh khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành và căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định (Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009 của Bộ GDĐT ban hành quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.).

## 2.7. Triển khai giáo dục STEM/STEAM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM/STEAM theo CTGDPT 2018 phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị (Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.), cụ thể như sau:

- Tổ chức, triển khai thực hiện đến tất cả GV trong đơn vị bảo đảm chất lượng và yêu cầu theo quy định (Quyết định số 1412/QĐ-UBND-HC ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Đề án chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Đồng Tháp; Kế hoạch 109/KH-SGDĐT ngày 03/10/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thí điểm, đại trà thực hiện giáo dục STEM trong CTGDPT 2018 cấp Tiểu học giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 859/QĐ-SGDĐT ngày 26/9/2022 về việc thành lập Tổ Tư vấn Giáo dục STEM.), đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

- Chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị CSVC để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM/STEAM phù hợp với điều kiện của đơn vị theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HS, CMHS về vai trò của giáo dục STEM/STEAM; tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học (STEM) tích hợp một số môn học/hoạt động giáo dục có trong CT vào STEM giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau, thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của HS. Tất cả giáo viên trong đơn vị xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện giáo dục STEM/STEAM bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM/STEAM trong CTGDPT cấp Tiểu học. Trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>.

## 2.8. Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” tích hợp vào tài liệu GDĐP lớp 4 tập trung xây dựng một số chủ đề nhất định (có thể là 2 hoặc 3 chủ đề) đáp ứng yêu cầu cần đạt của hai mạch kiến thức (gồm *Thiên nhiên và con người địa phương*; *Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương*) theo quy định của CTGDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Tránh dàn trải nhiều chủ đề trong tài liệu GDĐP gây khó khăn cho việc tổ chức dạy học và trong công tác quản lí.

- Việc tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng CT của môn học và được tổ chức đánh giá HS như các mạch nội dung khác trong CTGDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Tổ chức giảng dạy nội dung “Địa phương em” của tài liệu GDĐP lớp 4 kết hợp với định hướng tổ chức dạy

học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí 4 theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT (Công văn số 5576/BGDĐT-GDTH ngày 02/12/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục “Địa phương em” trong CT môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 cấp tiểu học; Công văn số 1148/SGDĐT-GDMNTH ngày 11/8/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học nội dung “Địa phương em” từ năm học 2023 - 2024.).

### 3. Chỉ tiêu cụ thể

#### a/ Chỉ tiêu huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, phổ cập – chống mù chữ

- Tiếp tục huy động và duy trì 100% học sinh đến trường (đặc biệt là trẻ em 6 tuổi (2017), huy động tối đa trẻ khuyết tật, nhóm trẻ thiệt thòi đến trường học hòa nhập.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: Đạt 99% trở lên.

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: Đạt 100%.

- Hiệu quả đào tạo: trên 98%

- Lưu ban: Dưới 0,5%

- Bỏ học: dưới 0,2% chỉ tiêu toàn trường.

- 100% học sinh tham gia BHYT.

- Phân đầu duy trì sĩ số đảm bảo 100% học sinh (không có học sinh bỏ học).

Tiếp tục thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ đảm bảo duy trì chuẩn.

- Tập trung nâng cao giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống đạo đức, kĩ năng thực hành, hình thành phẩm chất và năng lực cho học sinh; phát triển khả năng tự học, sáng tạo.

- Duy trì và giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục, tỉ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi, tỉ lệ dạy học 2 buổi/ngày; chất lượng giáo dục và các phong trào hội thi.

#### b/ Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực HS

##### + Khối 1

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 1						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	93	76	81,7	17	18,3	0	0	PC
Nhân ái	93	77	82,8	16	17,2	0	0	PC
Chăm chỉ	93	58	62,4	35	37,6	0	0	PC
Trung thực	93	60	64,5	33	35,5	0	0	PC
Trách nhiệm	93	59	63,4	34	36,6	0	0	PC
Tự chủ và tự học	93	52	55,9	41	44,1	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	93	53	57	40	43	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	93	50	53,8	43	46,2	0	0	NLC
Ngôn ngữ	93	51	54,8	42	45,2	0	0	NLĐT
Tính toán	93	52	55,9	41	44,1	0	0	NLĐT
Khoa học	93	51	54,8	42	45,2	0	0	NLĐT



Thẩm mỹ	93	50	53,8	43	46,2	0	0	NLĐT
Thể chất	93	52	55,9	41	44,1	0	0	NLĐT

**+ Khối 2**

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 2						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	88	78	88,6	10	11,4	0	0	PC
Nhân ái	88	78	88,6	10	11,4	0	0	PC
Chăm chỉ	88	76	86,4	12	13,6	0	0	PC
Trung thực	88	76	86,4	12	13,6	0	0	PC
Trách nhiệm	88	76	86,4	12	13,6	0	0	PC
Tự chủ và tự học	88	73	83	15	17	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	88	73	83	15	17	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	88	73	83	15	17	0	0	NLC
Ngôn ngữ	88	79	89,8	9	10,2	0	0	NLĐT
Tính toán	88	79	89,8	9	10,2	0	0	NLĐT
Khoa học	88	78	88,6	10	11,4	0	0	NLĐT
Thẩm mỹ	88	76	86,4	12	13,6	0	0	NLĐT
Thể chất	88	76	86,4	12	13,6	0	0	NLĐT

**+ Khối 3**

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 3						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	81	70	86,4	11	13,6	0	0	PC
Nhân ái	81	65	80,2	16	19,8	0	0	PC
Chăm chỉ	81	60	74,1	21	25,9	0	0	PC
Trung thực	81	60	74,1	21	25,9	0	0	PC
Trách nhiệm	81	60	74,1	21	25,9	0	0	PC
Tự chủ và tự học	81	70	86,4	11	13,6	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	81	70	86,4	11	13,6	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	81	70	86,4	11	13,6	0	0	NLC
Ngôn ngữ	81	65	80,2	16	19,8	0	0	NLĐT
Tính toán	81	65	80,2	16	19,8	0	0	NLĐT
Tin học	81	75	92,6	6	7,4	0	0	NLĐT
Công nghệ	81	75	92,6	6	7,4	0	0	NLĐT
Khoa học	81	65	80,2	16	19,8	0	0	NLĐT
Thẩm mỹ	81	65	80,2	16	19,8	0	0	NLĐT
Thể chất	81	65	80,2	16	19,8	0	0	NLĐT

**+ Khối 4**

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 4						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	100	100	100	0	0	0	0	PC
Nhân ái	100	85	85	15	15	0	0	PC
Chăm chỉ	100	85	85	15	15	0	0	PC
Trung thực	100	85	85	15	15	0	0	PC
Trách nhiệm	100	85	85	15	15	0	0	PC
Tự chủ và tự học	100	70	70	30	30	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	100	88	88	12	12	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	100	80	80	20	20	0	0	NLC
Ngôn ngữ	100	75	75	25	25	0	0	NLĐT
Tính toán	100	72	72	28	28	0	0	NLĐT
Tin học	100	90	90	10	10	0	0	NLĐT
Công nghệ	100	90	90	10	10	0	0	NLĐT
Khoa học	100	75	75	25	25	0	0	NLĐT
Thẩm mỹ	100	68	68	32	32	0	0	NLĐT
Thể chất	100	78	78	22	22	0	0	NLĐT

## + Khối 5

Năng lực/ Phẩm chất	TSHS	Khối 5						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tự phục vụ, tự quản	83	55	66,3	28	33,7	0	0	NL
Hợp tác	83	53	63,9	30	36,1	0	0	NL
Tự học, GQVĐ	83	54	65,1	29	34,9	0	0	NL
Chăm học, chăm làm	83	53	63,9	30	36,1	0	0	PC
Tự tin, trách nhiệm	83	55	66,3	28	33,7	0	0	PC
Trung thực kỉ luật	83	60	72,3	23	27,7	0	0	PC
Đoàn kết, yêu thương	83	69	83,1	14	16,9	0	0	PC

## c) Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

## + Khối 1

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 1					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	93	55	59,1	38	40,9	0	0
2	Toán	93	58	62,4	35	37,6	0	0
3	Ngoại ngữ 1	93	0	0	0	0	0	0
4	Tự nhiên và XH	93	52	55,9	41	44,1	0	0

5	GD thể chất	93	42	45,2	51	54,8	0	0
6	Âm nhạc	93	40	43	53	57	0	0
7	Mĩ thuật	93	35	37,6	58	62,4	0	0
8	HD trải nghiệm	93	45	48,4	48	51,6	0	0
9	Đạo đức	93	48	51,6	45	48,4	0	0

## + Khối 2

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 2					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	88	58	65,9	30	34,1	0	0
2	Toán	88	73	83	15	17	0	0
3	Ngoại ngữ	88	0	0	0	0	0	0
4	Đạo đức	88	60	68,2	28	31,8	0	0
5	Tự nhiên và XH	88	58	65,9	30	34,1	0	0
6	GD thể chất	88	53	60,2	35	39,8	0	0
7	Âm nhạc	88	46	52,3	42	47,7	0	0
8	Mĩ thuật	88	32	36,4	56	63,6	0	0
9	HD trải nghiệm	88	56	63,6	32	36,4	0	0

## + Khối 3

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 3					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	81	55	67,9	20	32,1	0	0
2	Toán	81	53	65,4	28	34,6	0	0
3	Ngoại ngữ	81	40	49,4	41	50,6	0	0
4	Đạo đức	81	60	74,1	21	25,9	0	0
5	Tự nhiên và XH	81	60	74,1	21	25,9	0	0
6	GD thể chất	81	42	51,9	39	48,1	0	0
7	Âm nhạc	81	40	49,4	41	50,6	0	0
8	Mĩ thuật	81	42	51,9	39	48,1	0	0
9	HD trải nghiệm	81	55	67,9	20	32,1	0	0
10	Tin học và Công nghệ	81	60	74,1	21	25,9	0	0

## + Khối 4

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 4					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	100	57	57	43	43	0	0
2	Toán	100	67	67	33	33	0	0
3	Khoa học	100	69	69	31	31	0	0
4	Lịch sử và Địa lí	100	64	64	36	36	0	0

5	Đạo đức	100	56	56	44	44	0	0
6	Tin học và Công nghệ	100	70	70	30	30	0	0
7	Mĩ thuật	100	39	39	61	61	0	0
8	Âm nhạc	100	59	59	41	41	0	0
9	Thể dục	100	53	53	47	47	0	0
10	Tiếng Anh	100	39	39	61	61	0	0
11	HD trải nghiệm	100	56	56	44	44	0	0

**+ Khối 5**

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 5					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	83	51	61,4	32	38,6	0	0
2	Toán	83	65	78,3	18	21,7	0	0
3	Khoa học	83	73	88	10	12	0	0
4	Lịch sử - Địa lí	83	68	81,9	15	18,1	0	0
5	Đạo đức	83	54	65,1	29	34,9	0	0
6	Kĩ thuật	83	52	62,7	31	37,3	0	0
7	Mĩ thuật	83	38	45,8	45	54,2	0	0
8	Âm nhạc	83	50	60,2	33	39,8	0	0
9	Thể dục	83	55	66,3	28	33,7	0	0
10	Anh văn	83	39	47	44	53	0	0
11	Tin học	83	68	81,9	15	18,1	0	0

**- Chỉ tiêu về kết quả giáo dục****+ Khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4**

TT	Khối/ Lớp	TSHS	Kết quả giáo dục khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4							
			HT xuất sắc		HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Một	93	29	31,2	34	36,6	30	32,2	0	0
2	Hai	88	30	34,1	34	38,6	24	27,3	0	0
3	Ba	81	27	33,3	32	39,5	22	27,2	0	0
4	Bốn	100	41	41	13	13	46	46	0	0
<b>Tổng</b>		<b>362</b>	<b>127</b>	<b>35,1</b>	<b>113</b>	<b>31,2</b>	<b>122</b>	<b>33,7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**+ Khối 5**

TT	Khối/ Lớp	TSHS	Kết quả giáo dục khối 5					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Năm	83	45	54,2	38	45,8	0	0
<b>Tổng</b>		<b>83</b>	<b>45</b>	<b>54,2</b>	<b>38</b>	<b>45,8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**- Chỉ tiêu về các phong trào hội thi :**

Tổ chức và tích cực tham gia đầy đủ các phong trào hội thi các cấp.

**- Chỉ tiêu về các tổ chức trong nhà trường:**

- + Chi bộ Đảng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- + Tập thể Trường: Lao động Tiên tiến.
- + Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- + Chi Đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- + Liên Đội: Phấn đấu xếp loại xuất sắc.
- + Cá nhân:
  - . Chiến sĩ thi đua cơ sở 03.
  - . Lao động tiên tiến: 29.
- + Tham gia BHYT: 100%
- + Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

**- Chỉ tiêu học sinh:**

- + **Huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số**
  - . Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp đạt tỉ lệ 100% .
  - . 100% trẻ từ 6 – 14 tuổi ra lớp .
  - . Bỏ học: dưới 0,2%
  - . Đảm bảo thu nhận hết trẻ em trong độ tuổi tại địa bàn. (đạt 100%)
- + **Chất lượng giáo dục**
  - \* Hình thành và phát triển năng lực: 100%
  - \* Hình thành và phát triển phẩm chất: 100%
  - \* Các môn học, hoạt động giáo dục:
    - . Hoàn thành chương trình lớp học: trên 99% .
    - . Hiệu quả đào tạo trên 98%.
    - . Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 100%

#### **IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

##### **1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

*(Đính kèm Phụ lục)*

##### **2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

###### **2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học**

*(Đính kèm Phụ lục)*

**\* Hình thức tổ chức**

- Tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm gồm:

+ Sinh hoạt dưới cờ gồm hoạt động nghi lễ và các hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường, nói chuyện truyền cảm hứng; truyền thông các vấn đề xã hội như tuyên truyền các dịch bệnh, tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng.

+ Sinh hoạt lớp gồm tổ chức các hoạt động hành chính, sinh hoạt lớp sinh hoạt lớp theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt lớp hàng tuần, các

hoạt động chung của tập thể lớp. Ngoài ra có thể tổ chức các hoạt động truyền thông, các thông điệp; triển khai các phong trào của nhà trường.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề Hoạt động NGLL thường xuyên và hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ. Hình thức tổ chức sinh hoạt thường xuyên được thực hiện đều đặn từng tuần, thực hiện ở trường và cả ở nhà với nhiệm vụ trải nghiệm được giao như nhau đến từng học sinh. Hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ.

- Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: Các hội thao, hội thi, các cuộc thi văn nghệ của học sinh.

- Tăng cường lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông,... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường .

- Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương.

\* *Tổ chức thực hiện:*

- Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong năm ở trong và ngoài nhà trường.

- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp Ban ĐDCMHS về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho tất cả học sinh toàn trường theo kế hoạch thời gian năm học của trường.

- Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động phong trào phối hợp với TPT của trường xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động trải nghiệm, trình BGH và giao nhiệm vụ cho GVCN các khối lớp phối hợp với Ban ĐDCMHS lớp, GVBM thực hiện các hoạt động trải nghiệm.

**2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (trong trường hợp có học sinh bán trú)**

(Phụ lục 3)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Giải lao	Ra chơi, tập thể dục giữa giờ, đọc sách tại thư viện	Toàn trường	Sáng: 9 giờ 10 phút đến 9 giờ 30 phút Chiều: 14 giờ 40 phút đến 15 giờ	Sân trường + thư viện	
2	Bán trú	Ăn trưa + vui chơi + ngủ + bữa phụ	Học sinh bán trú	10 giờ 40 phút đến 14 giờ	Nhà ăn + Sân trường+ Phòng học	

3	Sinh hoạt câu lạc bộ	Diễn kịch + Vẽ tranh + Đánh cờ + Giao lưu tiếng Anh + Hát	Thành viên trong câu lạc bộ	Theo kế hoạch sinh hoạt của CLB	Góc thư viện xanh + Hội trường
---	----------------------	---	-----------------------------	---------------------------------	--------------------------------

### **3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 838/QĐ-UBND-HC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Thực hiện Hướng dẫn số 97/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn Thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Thực hiện Hướng dẫn số 94/HD-SGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học tỉnh Đồng Tháp năm học 2023 – 2024

Thực hiện Hướng dẫn số 01/HD-PGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành Hướng dẫn Thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2023 – 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông;

Thực hiện Hướng dẫn số 03/HD-PGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học huyện Châu Thành năm học 2023 - 2024;

- Ngày khai giảng: lúc 7 giờ 30 phút, ngày 05/9/2023

- Ngày tựu trường: ngày 21/8/2023 đối với học sinh lớp 1; ngày 28/8/2023 đối với các lớp 2, 3, 4, 5.

- Học sinh bắt đầu học từ ngày 05 tháng 9 năm 2023.

- Kết thúc năm học: Trước ngày 31 tháng 5 năm 2024.

\* Các ngày nghỉ trong năm:

- Các ngày nghỉ lễ, tết được thực hiện theo quy định của Luật Lao động và các quy định tại các văn bản dưới Luật. Nếu ngày nghỉ lễ, tết trùng vào ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù theo quy định.

- Thời gian nghỉ hè thay cho nghỉ phép năm của giáo viên là 02 tháng, có thể được bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm để phù hợp với đặc điểm cụ thể và kế hoạch thời gian năm học của đơn vị.

\* Thực hiện Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 – 2021:

Sinh hoạt chuyên môn cấp tổ: thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học (2 tuần/lần).

Sinh hoạt chuyên môn cấp trường: ít nhất 1 lần/tháng.

Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường: ít nhất 1 lần/học kì.

Căn cứ vào các hướng dẫn và quy định của Phòng GDĐT Châu Thành đơn vị sẽ tổ chức (hoặc tham gia) theo thời gian quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng (nếu có)... đơn vị sẽ có kế hoạch học bù).

**\* Tại trường Tiểu học Hòa Tân 2 thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:**

### **3.1. Đối với khối lớp 1**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học của các khối lớp 1,2,3,4,5. (Đính kèm Phụ lục )

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (đính kèm Phụ lục )

### **3.2. Đối với khối lớp 2**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (đính kèm Phụ lục )

### **3.3. Đối với khối lớp 3**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (đính kèm Phụ lục )

### **3.4. Đối với khối lớp 4**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (đính kèm Phụ lục )

### **3.5. Đối với khối lớp 5**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (đính kèm Phụ lục )

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tham mưu với cấp trên xây dựng thêm 08 phòng chức năng để đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia năm học 2023-2024 và tổ chức dạy học thành công Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Trang bị thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết theo khả năng tài chính của đơn vị. Tham mưu với cấp trên cấp thêm các đồ dung dạy học tối thiểu phục vụ cho công tác dạy và học ở các khối lớp, nhất là lớp 3 và lớp 4.



- Sửa chữa các hạn mục xuống cấp, trang bị đầy đủ các điều kiện đèn, quạt, rèm che nắng,... cho học sinh có điều kiện học tập tốt nhất.

- Huy động xã hội hoá từ phía cha mẹ học sinh để tổ chức tốt việc ăn, ngủ, nghỉ của học sinh tại trường, thực hiện tăng cường cơ sở vật chất cho các lớp bán trú.

- Tạo cảnh quan môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp để các em cảm thấy Mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

## **2. Thực hiện công tác đội ngũ**

- Đẩy mạnh tự bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ CBQL và GV về nội dung liên quan đến CTGDPT 2018. Tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thực hiện đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Thông tư số 14 của Bộ Giáo dục; đánh giá giáo viên theo Thông tư số 20 của Bộ Giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học qua việc sinh hoạt chuyên môn tại tổ, trường, cụm; phát huy đội ngũ giáo viên dạy giỏi của trường.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lương tâm nghề nghiệp; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

- Tham mưu kịp thời với cấp trên để đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo qui định, thực hiện tốt công tác tổ chức. Quan tâm chăm lo đời sống giáo viên, nhân viên và người lao động để họ an tâm công tác, cống hiến hết mình cho nhà trường.

Tổ chức triển khai thực hiện CTGDPT 2018, đặc biệt là xây dựng và triển khai tốt kế hoạch tập huấn cho đội ngũ giáo viên dạy lớp 4 chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy giáo, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho các em học sinh noi theo. Kiên quyết “nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”.

## **3. Thực hiện tốt các nội dung chuyên môn**

- Các tổ chuyên môn tiến hành xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn đúng theo qui định. Phát huy tối đa lực lượng giáo viên trong tổ. Tổ chức chuyên đề, thao giảng tổ, dự giờ thăm lớp đồng nghiệp để cùng học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Tổ chức thực hiện chương trình GDPT hiện hành với lớp 5 với kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, cụ thể: Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

- Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp. Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, trong đó cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh hiệu quả, thiết thực.

- Thực hiện đánh giá học sinh lớp 1, 2, 3, 4 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và lớp 5 theo Văn bản hợp nhất 03 của Bộ Giáo dục. Thực hiện tốt công tác phối hợp, tham mưu, truyền thông.

- Tiếp tục thực hiện “*Nói không với văn mẫu*” Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, dạy học; cán bộ quản lí, giáo viên cần quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của học sinh, không áp đặt rập khuôn. Đối với phân môn Tập làm văn (môn Tiếng Việt), giáo viên tuyệt đối không dạy học sinh theo khuôn mẫu, máy móc dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kĩ năng sử dụng Tiếng Việt. Quan tâm nghiên cứu tìm nguyên nhân của việc dạy văn mẫu và có giải pháp để khắc phục triệt để việc này.

#### **4. Công tác truyền thông, tuyên truyền tham mưu, xã hội hoá giáo dục**

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới giáo dục, về Chương trình GDPT 2018 qua nhiều kênh thông tin.

- Làm tốt các cuộc họp phụ huynh học sinh, tuyên truyền những hoạt động, kết quả giáo dục của trường để phụ huynh học sinh hiểu và chia sẻ, đồng thuận với nhà trường; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể địa phương, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của nhân dân.

- Khuyến khích cán bộ giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học.

- Tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn cán bộ giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

- Chú trọng và làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền thị trấn; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể làm tốt công tác xã hội hóa trang bị cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh; Làm tốt việc phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong quản lý và giáo dục học sinh theo Quy chế phối hợp 3 môi trường giáo dục của Tỉnh.

- Phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường lớp sao cho tăng cường được sự tham gia của họ vào các hoạt động giáo dục nhà trường.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban giám hiệu**

#### **1.1. Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **1.2. Phó Hiệu trưởng**

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; không quá 10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **2. Tổ trưởng chuyên môn**

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với khối lớp 1, 2, 3 và 4.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

### **3. Đối với Tổng phụ trách Đội**

Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, HĐTN ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

### **4. Đối với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách môn học**

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

### **5. Đối với nhân viên Thư viện, thiết bị**

Xây dựng kế hoạch theo bộ phận mình phụ trách.

Thực hiện các nhiệm vụ do lãnh đạo phân công, tham mưu kịp thời các hoạt động liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Phối hợp tốt với giáo viên trong tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

### **6. Công tác kiểm tra**

Thực hiện đầy đủ các loại hình kiểm tra như kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra hoạt động của các Tổ chuyên môn, các bộ phận.

Qua kiểm tra đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của giáo viên để kịp thời động viên, nhắc nhở, xử lý, khắc phục, giúp giáo viên nhận ra từng điểm mạnh, điểm yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách hiệu quả và thiết thực.

Việc tổ chức kiểm tra phải đúng quy trình, đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời, không trùng lặp, không làm cản trở hoạt động bình thường của bộ phận, cá nhân được kiểm tra và phải thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra.

### **7. Chế độ báo cáo**

Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của trên Website của trường.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất cho Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp; Phòng Giáo dục - Đào tạo Châu Thành đúng theo thời gian quy định

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 của Trường Tiểu học Hòa Tân 2. Kế hoạch được lấy ý kiến đóng góp của CBGV trong đơn vị và thông qua tại Hội nghị viên chức vào đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện ./.

***Nơi nhận:***

- PGDĐT Châu Thành;
- Phó Hiệu trưởng;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Huỳnh Tấn Hải**

**KHUNG THỜI GIAN NĂM HỌC 2023 - 2024**  
(Đính kèm Kế hoạch số 28/KH-KHHT2 ngày 09/9/2023 của Trường Tiểu học Hòa Tân 2)

**HỌC KÌ I**

Các ngày trong tuần							Tuần thực học
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
21/8	22	23	24	25	26	27	Tuần dành cho chuẩn bị năm học mới và tựu trường lớp 1
28	29	30	31	01/9	02	03	Tuần lễ sinh hoạt học đường
04	05 <i>Khai giảng</i>	06	07	08	09	10	1
11	12	13	14	15	16	17	2
18	19	20	21	22	23	24	3
25	26	27	28	29	30	01/10	4
02	03	04	05	06	07	08	5
09	10	11	12	13	14	15	6
16	17	18	19	20	21	22	7
23	24	25	26	27	28	29	8
30	31	01/11	02	03	04	05	9
06	07	08	09	10	11	12	10
13	14	15	16	17	18	19	11
20/11	21	22	23	24	25	26	12
27	28	29	30	01/12	02	03	13
04	05	06	07	08	09	10	14
11	12	13	14	15	16	17	15
18	19	20	21	22	23	24	16
25	26	27	28	29	30	31	17
01/01/2024	02	03	04	05	06	07	18
08	09	10	11	12	13	14	Tuần dành cho kiểm tra học kì I và các hoạt động giáo dục khác

1. Tuyển sinh lớp 1 nhân “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” và các trường tiểu học chuẩn bị năm học mới 2023 - 2024: Trước ngày 21/8/2023.

2. Ngày tựu trường năm học mới: Lớp 1 tựu trường ngày 21/8/2023, các lớp còn lại tựu trường ngày 28/8/2023. Tuần lễ sinh hoạt học đường từ ngày 29/8/2023 - 31/8/2023.

3. Ngày khai giảng năm học mới: 05/9/2023.

4. Học kì I: Từ ngày 05/9/2023 đến trước ngày 14/01/2024: Có 18 tuần thực học, kiểm tra định kì và các hoạt động giáo dục khác. Nghi Lễ Quốc khánh nước CHXHCNVN: ngày 01 - 04/9/2023, Nghi tết Dương lịch: 01/01/2024 (01 ngày).

## HỌC KÌ II

Các ngày trong tuần							Tuần thực học
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
15	16	17	18	19	20	21	<b>1</b>
22	23	24	25	26	27	28	<b>2</b>
29	30	31	<b>01/02</b>	02	03	04	<b>3</b>
05	06	07	08	09	10	11	<b>4</b>
<b>Dự kiến nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 07/02/2024 (nhằm ngày 28 tháng Chạp ẤL) đến ngày 15/02/2024 (nhằm ngày mùng 06 tháng Giêng ẤL)</b>							
12	13	14	15	16	17	18	<b>Nghỉ tết Nguyên đán</b>
19	20	21	22	23	24	25	<b>5</b>
26	27	28	29	<b>01/3</b>	02	03	<b>6</b>
04	05	06	07	08	09	10	<b>7</b>
11	12	13	14	15	16	17	<b>8</b>
18	19	20	21	22	23	24	<b>9</b>
25	26	27	28	29	30	31	<b>10</b>
<b>01/4</b>	02	03	04	05	06	07	<b>11</b>
08	09	10	11	12	13	14	<b>12</b>
15	16	17	18	19	20	21	<b>13</b>
22	23	24	25	26	27	28	<b>14</b>
29	<b>30/4</b>	<b>01/5</b>	02	03	04	05	<b>15</b>
06	07	08	09	10	11	12	<b>16</b>
13	14	15	16	17	18	19	<b>17</b>
20	21	22	23	24	25	26	<i>Tuần dành kiểm tra định kì cuối năm học và các hoạt động giáo dục khác và tổng kết năm học</i>
27	28	29	30	31 <i>Kết thúc năm học</i>			

**1. Học kì II:** Từ ngày 15/01/2024 đến ngày đến trước ngày 24/5/2024. Có 17 tuần thực học, kiểm tra định kì cuối năm học và các hoạt động giáo dục khác.

**2. Nghỉ tết Nguyên đán (dự kiến)** từ ngày 07/02/2024 (nhằm ngày 28 tháng Chạp ẤL) đến ngày 15/02/2024 (nhằm ngày mùng 06 tháng Giêng ẤL). Nghỉ Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương: 18/4/2024 (nhằm ngày mùng 10/3 ẤL) (01 ngày). Nghỉ Lễ Ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước: 30/4/2024 (01 ngày) và Nghỉ Ngày Quốc tế Lao động: 01/5/2024 (01 ngày).

**3. Xét công nhận hoàn thành CT tiểu học:** trước ngày 30/6/2024.

**4. Ngày kết thúc năm học 2023 - 2024:** trước ngày 31/5/2024.